



fáng jiān

房间

Noun · room

Example Sentences

wǒ de fáng jiān hěn gān jìng

我的房间很干净。

My room is very clean.

zhè shì wǒ de fáng jiān

这是我的房间。

This is my room.

zhè ge fáng jiān hěn dà

这个房间很大。

This room is very big.

Trace each character, then write the word on your own.

房 房 房 房 房 房 房 房 房 房 房

间 间 间 间 间 间 间 间 间 间